

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY,  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20/8/2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Ngoan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Đinh Văn Tùng
- Ông Huỳnh Khắc Chung

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Dương Thị Hằng Ni - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ àn thi ly ù soá 226/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2019/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Tr, sinh năm 1982 (Xin vắng mặt)  
Địa chỉ: ấp MTB, xã HMT, huyện CB, tỉnh TG.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 (vắng mặt)  
Địa chỉ: ấp 6, xã PA, huyện CL, tỉnh TG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn ngày 10/5/2019, nguyên đơn chị Lê Thị Tr trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào năm 1999, đến năm 2013 đi đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 01 năm 2018 thì ly thân đến nay; Con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 17/7/2001 hiện đã trưởng thành, lao động được và Nguyễn Ngọc Anh T, sinh năm 04/12/2013; Tài sản chung và nợ chung đều không có.

Nay chi yêu cầu Tòa án giải quyết: Cho chi được ly hôn anh T; Con chung: Chi xin được nuôi Nguyễn Ngọc Anh T, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng đối với Nguyễn Quốc Th hiện đã trưởng thành, lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Tr có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Nguyên đơn chị Lê Thị Tr khởi kiện ly hôn bị đơn anh Nguyễn Văn T, anh T có địa chỉ cư trú tại ấp 6, xã PA, huyện CL, tỉnh TG. Căn cứ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Tr và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 1999, đến năm 2013 đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102, ngày 03/12/2013 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã thật sự đổ vỡ không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo chị Tr trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc chỉ đến khoảng tháng 01 năm 2018 thì bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, thậm chí anh T còn đánh đập chị. Vì không chịu đựng nổi nên chị đã tự sống ly thân với anh T từ đó cho đến nay không ai còn quan tâm lẫn nhau. Riêng đối với anh T, từ khi được Tòa án thông báo về việc chị Tr ly hôn anh vẫn bỏ mặc và cũng không có ý kiến gì, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với chị Tr nữa. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Tr với anh T thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Tr được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: chị Tr và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 17/7/2001 và Nguyễn Ngọc Anh T, sinh năm 04/12/2013. Xét thấy, con

chung tên Nguyễn Quốc Th hiện đã trưởng thành, lao động được, đương sự không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay do chị Tr nuôi dưỡng ổn định, phát triển tốt. Do vậy, tiếp tục giao cho chị Tr nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Tr không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Tr trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: chị Tr khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tr. Cho chị Lê Thị Tr được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2 – Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh năm 04/12/2013 cho chị Lê Thị Tr nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3 - Về án phí: Chị Lê Thị Tr phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 16683 ngày 10/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy xem như thi hành xong.

4 – Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5 - Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

**THẨM**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Hậu Mỹ Trinh, CB, TG
- Các đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thành Ngoan**

